

CÔNG TY CỔ PHẦN
MASAN MEATLIFE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 09 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE**

Tên tiếng Anh: **MASAN MEATLIFE CORPORATION**

Mã cổ phiếu: **MML**

Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028 6256 3862

Fax: 028 3827 4115

Website: www.masanmeatlife.com.vn

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Đỗ Thị Thu Nga

Địa chỉ: Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (cơ quan): 028 6256 3862

Fax: 028 3827 4115

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: **Nghị quyết HĐQT thông qua Quy chế chương trình phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2024 (“ESOP 2024”) và Danh sách người lao động được tham gia ESOP 2024.**

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 06/09/2024 tại đường dẫn: https://masanmeatlife.com.vn/quan-he-co-dong/thong-bao-cong-ty/tat-ca?lang_ui=vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE

Người Được Ủy Quyền Công Bố Thông Tin



ĐỖ THỊ THU NGÀ

Giám Đốc Pháp Lý

CÔNG TY CỔ PHẦN
MASAN MEATLIFE
Số: 13 /2024/NQ-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----oOo-----

TP. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 9 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE (“Công ty”)**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty ngày 18/10/2021, được sửa đổi và bổ sung tại từng thời điểm (“Điều lệ”);
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-DHĐCĐ ngày 25/04/2024 (“Nghị quyết ĐHĐCĐ”); và
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu số 11/2024/BBKP-HĐQT ngày 6 / 9 /2024.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Quy chế chương trình phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) năm 2024 của Công ty (đính kèm).

Điều 2: Thông qua danh sách người lao động được tham gia chương trình phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) như được quy định tại phụ lục đính kèm.

Điều 3: Ban Tổng Giám đốc Công ty, các cá nhân và phòng ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Điều 4: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



DANNY LE



DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐƯỢC THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH ESOP

(đính kèm Nghị quyết HĐQT số ...13.../2024/NQ-HĐQT ngày 6./9./2024)

STT	HỌ VÀ TÊN
1	Bùi Thị Hằng Nga
2	Bùi Thị Lệ Hằng
3	Bùi Văn Công
4	Bùi Việt Dũng
5	Cao Hải Đức
6	Cao Xuân Đình
7	Châu Việt Hùng
8	Đặng Minh Diệu Bảo
9	Đặng Như Anh
10	Đặng Thị Phước An
11	Đặng Văn Mạnh
12	Danh Duy Khanh
13	Đào Vinh Hiền
14	Đình Thị Hoài
15	Đình Văn Vượng
16	Đỗ Thái Giang
17	Đỗ Thị Hằng
18	Đỗ Tuấn Nhã
19	Đỗ Văn Hải
20	Đoàn Duy Chinh
21	Dương Đức Tiến
22	Dương Nguyễn Hải Yến
23	Dương Thị Mai Hạnh
24	Hồ Anh Duy
25	Hồ Như Phương
26	Hồ Thị Hoàng Oanh
27	Hoàng Thị Mỹ Phương
28	Hoàng Thị Phương Thảo
29	Hoàng Trọng Nghĩa
30	Lã Hoàng Thảo Nhi
31	Lâm Hữu Tài
32	Lê Nguyễn Thanh Vân
33	Lê Phùng Anh Trinh
34	Lê Thạc Thắng
35	Lê Thị Hằng
36	Lê Thị Mai
37	Lê Thị Quỳnh
38	Lê Thị Thùy Trinh
39	Lê Thị Tường Vy
40	Lê Trương Yên
41	Lương Đức Hanh
42	Lương Duy Thanh
43	Lương Văn Bắc
44	Mã Hồng Kim
45	Mai Thị Yến

STT	HỌ VÀ TÊN
46	Nguyễn Anh Quốc
47	Nguyễn Bảo Thắng
48	Nguyễn Bích Thảo
49	Nguyễn Bình Lộc
50	Nguyễn Đình Hiếu
51	Nguyễn Đình Phương
52	Nguyễn Hà Mạnh Hùng
53	Nguyễn Hoàng Anh
54	Nguyễn Hoàng Vũ
55	Nguyễn Hữu Lực
56	Nguyễn Huỳnh Thái Hoàng
57	Nguyễn Lam Phương
58	Nguyễn Mai Anh Kiệt
59	Nguyễn Mạnh Thắng
60	Nguyễn Minh Tâm
61	Nguyễn Ngọc Thịnh
62	Nguyễn Nhã Minh Phúc
63	Nguyễn Quốc Thịnh
64	Nguyễn Quốc Trung
65	Nguyễn Thanh Bình
66	Nguyễn Thành Thái
67	Nguyễn Thế Việt Tuấn
68	Nguyễn Thị Cẩm Uyên
69	Nguyễn Thị Hai
70	Nguyễn Thị Hải Duyên
71	Nguyễn Thị Hằng
72	Nguyễn Thị Hoa Viên
73	Nguyễn Thị Hồng Diễm
74	Nguyễn Thị Hồng Loan
75	Nguyễn Thị Hồng Trâm
76	Nguyễn Thị Hương Huệ
77	Nguyễn Thị Hương Thảo
78	Nguyễn Thị Ngọc Giàu
79	Nguyễn Thị Phương Thảo
80	Nguyễn Thị Thanh Nhân
81	Nguyễn Thị Thanh Nhân
82	Nguyễn Thị Thu Hường
83	Nguyễn Thị Thu Vân
84	Nguyễn Thị Thương
85	Nguyễn Thị Trang
86	Nguyễn Thị Tuyết
87	Nguyễn Tiên Dũng
88	Nguyễn Văn Lộc
89	Nguyễn Văn Triệu
90	Nguyễn Xuân Dương
91	Phạm Hoàng Nam
92	Phạm Thế Cường
93	Phạm Thị Hiên
94	Phạm Thị Huệ

STT	HỌ VÀ TÊN
95	Phạm Thị Kim Hồng
96	Phạm Thị Mỹ Linh
97	Phạm Thị Trang
98	Phan Phước Trí
99	Phan Quỳnh Na
100	Phan Thanh Hoàng
101	Phan Thị Tho
102	Tạ Minh Đức
103	Tạ Xuân Kỳ
104	Tổng Phương Anh
105	Trần Công Tài
106	Trần Minh Tròn
107	Trần Nguyễn Quỳnh
108	Trần Thành Đạt
109	Trần Thị Ánh Ngân
110	Trần Thị Chiêu Hoài
111	Trần Thị Huyền
112	Trần Thị Mỹ Thanh
113	Trần Thị Thơm
114	Trần Thị Thu Hiền
115	Trần Thị Trúc Hương
116	Trần Thị Xuân Hương
117	Trần Văn Hoàng
118	Trương Văn Tuyên
119	Văn Thị Diễm Phúc
120	Võ Bảo An
121	Vũ Mạnh Tiến
122	Vũ Phúc Sơn Thiên
123	Vũ Văn Phương

**BẢNG TÍNH SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐƯỢC MUA
THEO CHƯƠNG TRÌNH ESOP**

(kèm theo Danh sách người lao động được tham gia Chương trình ESOP tại Nghị quyết HĐQT số
13/2024/NQ-HĐQT ngày 6./9./2024)

STT	Họ tên	Hệ số Kết quả hoàn thành công việc của phòng ban (a)	Hệ số cấp bậc, chức vụ (b)	Hệ số công việc (c)	Hệ số kết quả công việc của cá nhân (d)	Số lượng ESOP được phân phối thêm (cổ phiếu) (e)	Số lượng ESOP tối đa được mua (= 1.637.089 x a x b x c x d + e) (cổ phiếu)
1.	Bùi Thị Hằng Nga	0,65	0,010	0,80	0,71000	0	6.044
2.	Bùi Thị Lệ Hằng	0,95	0,060	0,50	0,54000	0	25.194
3.	Bùi Văn Công	0,70	0,001	0,85	0,91400	0	890
4.	Bùi Việt Dũng	0,80	0,004	0,60	0,54100	0	1.700
5.	Cao Hải Đức	0,75	0,004	1,15	0,89000	0	5.026
6.	Cao Xuân Đình	0,70	0,008	1,00	0,98000	0	8.984
7.	Châu Việt Hùng	0,80	0,006	0,50	0,51000	0	2.003
8.	Đặng Minh Diệu Bảo	0,95	0,040	0,20	0,62000	0	7.713
9.	Đặng Như Anh	0,75	0,020	0,55	0,54490	0	7.359
10.	Đặng Thị Phước An	0,95	0,006	1,10	0,78000	0	8.006
11.	Đặng Văn Mạnh	0,95	0,008	1,10	0,94300	0	12.905
12.	Danh Duy Khanh	0,80	0,004	0,39	0,50000	0	1.021
13.	Đào Vinh Hiền	0,85	0,020	0,60	0,51000	0	8.516
14.	Đình Thị Hoài	0,75	0,002	0,60	0,55000	0	810
15.	Đình Văn Vượng	0,80	0,020	1,10	0,94000	0	27.084
16.	Đỗ Thái Giang	0,75	0,003	0,60	0,90500	0	2.000
17.	Đỗ Thị Hằng	0,65	0,006	0,25	0,63000	0	1.005
18.	Đỗ Tuấn Nhã	0,88	0,003	0,95	0,76000	0	3.120
19.	Đỗ Văn Hải	0,75	0,008	1,10	0,93000	0	10.048
20.	Đoàn Duy Chinh	0,80	0,008	0,70	0,54000	0	3.960
21.	Dương Đức Tiến	0,75	0,002	0,70	0,82000	0	1.409
22.	Dương Nguyễn Hải Yến	0,80	0,010	0,30	0,51000	0	2.003
23.	Dương Thị Mai Hạnh	0,88	0,006	0,80	0,72400	0	5.006
24.	Hồ Anh Duy	0,80	0,010	1,40	0,97500	0	17.877
25.	Hồ Như Phương	0,75	0,002	1,00	0,82000	0	2.013
26.	Hồ Thị Hoàng Oanh	0,95	0,006	0,33	0,50000	0	1.539
27.	Hoàng Thị Mỹ Phương	0,80	0,060	0,70	0,63100	0	34.708
28.	Hoàng Thị Phương Thảo	0,75	0,002	0,65	0,82000	0	1.308
29.	Hoàng Trọng Nghĩa	0,75	0,002	1,00	0,82000	0	2.013
30.	Lã Hoàng Thảo Nhi	0,75	0,004	1,10	0,71000	0	3.835
31.	Lâm Hữu Tài	0,75	0,002	0,90	0,68000	0	1.502
32.	Lê Nguyễn Thanh Vân	0,80	0,003	0,80	0,85000	0	2.671
33.	Lê Phùng Anh Trinh	0,75	0,008	0,60	0,68000	0	4.007
34.	Lê Thạc Thắng	0,70	0,008	1,00	0,98200	0	9.002
35.	Lê Thị Hằng	0,75	0,003	0,55	0,50000	0	1.012
36.	Lê Thị Mai	0,85	0,040	1,40	0,98000	0	76.366

37.	Lê Thị Quỳnh	0,70	0,003	1,10	0,88200	0	3.335
38.	Lê Thị Thùy Trinh	0,85	0,040	1,00	0,91300	0	50.818
39.	Lê Thị Tường Vy	0,75	0,002	0,80	0,92000	0	1.807
40.	Lê Trương Yên	0,70	0,006	0,55	0,51000	0	1.928
41.	Lương Đức Hạnh	0,75	0,040	1,00	0,71300	0	35.017
42.	Lương Duy Thanh	0,80	0,003	0,90	0,85000	0	3.005
43.	Lương Văn Bắc	0,80	0,004	0,60	0,54100	0	1.700
44.	Mã Hồng Kim	0,75	0,060	1,00	0,81446	0	60.000
45.	Mai Thị Yên	0,80	0,080	0,95	0,87970	0	87.560
46.	Nguyễn Anh Quốc	0,75	0,004	0,65	0,76000	0	2.426
47.	Nguyễn Bảo Thắng	0,80	0,008	1,00	0,96000	0	10.058
48.	Nguyễn Bích Thảo	0,80	0,001	0,60	0,51500	0	404
49.	Nguyễn Bình Lộc	0,85	0,020	1,10	0,91600	0	28.042
50.	Nguyễn Đình Hiếu	0,80	0,020	0,95	0,81000	0	20.155
51.	Nguyễn Đình Phương	0,88	0,020	0,50	0,56340	0	8.116
52.	Nguyễn Hà Mạnh Hùng	0,80	0,004	0,85	0,90000	0	4.007
53.	Nguyễn Hoàng Anh	0,75	0,008	0,20	0,51000	0	1.001
54.	Nguyễn Hoàng Vũ	0,80	0,010	0,50	0,51100	0	3.346
55.	Nguyễn Hữu Lực	0,75	0,060	1,10	0,98800	0	80.063
56.	Nguyễn Huỳnh Thái Hoàng	0,80	0,080	0,90	0,87994	0	82.975
57.	Nguyễn Lam Phương	0,80	0,080	0,38	0,50240	0	20.002
58.	Nguyễn Mai Anh Kiệt	0,85	0,060	0,85	0,84600	0	60.038
59.	Nguyễn Mạnh Thắng	0,80	0,004	0,70	0,57300	0	2.101
60.	Nguyễn Minh Tâm	0,80	0,008	1,10	0,91000	0	10.487
61.	Nguyễn Ngọc Thịnh	0,75	0,004	1,10	0,93000	0	5.024
62.	Nguyễn Nhã Minh Phúc	0,88	0,003	0,20	0,50000	0	432
63.	Nguyễn Quốc Thịnh	0,75	0,020	0,70	0,52400	0	9.007
64.	Nguyễn Quốc Trung	0,80	0,100	1,04	1,01641	100.000	238.440
65.	Nguyễn Thanh Bình	0,88	0,003	0,62	0,78400	0	2.100
66.	Nguyễn Thành Thái	0,70	0,004	0,50	0,66900	0	1.533
67.	Nguyễn Thế Việt Tuấn	0,75	0,003	0,75	0,62000	0	1.712
68.	Nguyễn Thị Cẩm Uyên	0,75	0,003	0,60	0,68000	0	1.502
69.	Nguyễn Thị Hai	0,75	0,010	0,70	0,80500	0	6.918
70.	Nguyễn Thị Hải Duyên	0,65	0,060	0,70	0,56000	0	25.027
71.	Nguyễn Thị Hằng	0,75	0,008	0,98	0,95600	0	9.202
72.	Nguyễn Thị Hoa Viên	0,88	0,001	0,70	0,77000	0	776
73.	Nguyễn Thị Hồng Diễm	0,75	0,080	0,10	0,50910	0	5.000
74.	Nguyễn Thị Hồng Loan	0,75	0,060	0,25	0,55000	0	10.129
75.	Nguyễn Thị Hồng Trâm	0,88	0,010	1,10	0,86500	0	13.707
76.	Nguyễn Thị Hương Huệ	0,88	0,020	1,00	0,83400	0	24.029
77.	Nguyễn Thị Hương Thảo	0,85	0,060	0,77	0,77800	0	50.016
78.	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	0,80	0,006	0,25	0,51000	0	1.001
79.	Nguyễn Thị Phương Thảo	0,88	0,003	0,98	0,71000	0	3.007
80.	Nguyễn Thị Thanh Nhân	0,85	0,020	1,00	0,93500	0	26.021
81.	Nguyễn Thị Thanh Nhân	0,75	0,008	0,53	0,62000	0	3.227

82.	Nguyễn Thị Thu Hường	0,75	0,010	0,70	0,91200	0	7.838
83.	Nguyễn Thị Thu Vân	0,75	0,008	0,60	0,51000	0	3.005
84.	Nguyễn Thị Thương	0,75	0,002	1,00	0,74000	0	1.817
85.	Nguyễn Thị Trang	0,70	0,001	0,80	0,83600	0	766
86.	Nguyễn Thị Tuyết	0,80	0,006	0,25	0,51000	0	1.001
87.	Nguyễn Tiến Dũng	0,70	0,001	0,90	0,91900	0	947
88.	Nguyễn Văn Lộc	0,80	0,020	0,30	0,53240	0	4.183
89.	Nguyễn Văn Triệu	0,70	0,008	1,25	0,96000	0	11.001
90.	Nguyễn Xuân Dương	0,70	0,006	0,50	0,56450	0	1.940
91.	Phạm Hoàng Nam	0,75	0,002	0,92	0,80000	0	1.807
92.	Phạm Thế Cường	0,88	0,010	0,70	0,60000	0	6.050
93.	Phạm Thị Hiền	0,80	0,080	0,30	0,54000	0	16.973
94.	Phạm Thị Huệ	0,70	0,006	1,20	0,92900	0	7.665
95.	Phạm Thị Kim Hồng	0,75	0,020	1,10	0,96300	0	26.012
96.	Phạm Thị Mỹ Linh	0,85	0,020	0,98	0,81000	0	22.091
97.	Phạm Thị Trang	0,95	0,001	0,70	0,92000	0	1.001
98.	Phan Phước Trí	0,75	0,004	0,88	0,70000	0	3.025
99.	Phan Quỳnh Na	0,80	0,020	1,10	0,90300	0	26.017
100.	Phan Thanh Hoàng	0,85	0,040	1,15	0,98500	0	63.050
101.	Phan Thị Tho	0,75	0,003	0,62	0,66000	0	1.507
102.	Tạ Minh Đức	0,75	0,004	0,50	0,68100	0	1.672
103.	Tạ Xuân Kỳ	0,80	0,003	0,70	0,73000	0	2.007
104.	Tổng Phương Anh	0,80	0,002	1,00	0,60210	0	1.577
105.	Trần Công Tài	0,75	0,002	0,95	0,86000	0	2.006
106.	Trần Minh Tròn	0,80	0,002	0,40	0,50000	0	523
107.	Trần Nguyễn Quỳnh	0,75	0,040	0,25	0,58700	0	7.207
108.	Trần Thành Đạt	0,70	0,006	1,20	0,91000	0	7.508
109.	Trần Thị Ánh Ngân	0,75	0,004	0,85	0,78100	0	3.260
110.	Trần Thị Chiêu Hoài	0,80	0,020	1,00	0,77000	0	20.168
111.	Trần Thị Huyền	0,80	0,004	0,80	0,71600	0	3.000
112.	Trần Thị Mỹ Thanh	0,88	0,008	1,00	0,86800	0	10.003
113.	Trần Thị Thom	0,75	0,001	0,80	0,88100	0	865
114.	Trần Thị Thu Hiền	0,75	0,003	0,80	0,68000	0	2.003
115.	Trần Thị Trúc Hương	0,88	0,010	0,50	0,56000	0	4.033
116.	Trần Thị Xuân Hương	0,75	0,002	0,55	0,52000	0	702
117.	Trần Văn Hoàng	0,65	0,006	0,60	0,51000	0	1.953
118.	Trương Văn Tuyên	0,95	0,006	1,10	0,86000	0	8.827
119.	Văn Thị Diễm Phúc	0,85	0,010	1,40	0,96600	0	18.818
120.	Võ Bảo An	0,70	0,002	0,50	0,78000	0	893
121.	Vũ Mạnh Tiến	0,80	0,003	0,82	0,94000	0	3.028
122.	Vũ Phúc Sơn Thiên	0,80	0,004	0,50	0,61000	0	1.597
123.	Vũ Văn Phương	0,75	0,002	0,90	0,85210	0	1.883
TỔNG CỘNG							1.637.089

CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE

GCN ĐKDN số: 0311224517, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh
cấp lần đầu ngày 07/10/2011, được sửa đổi và bổ sung tại từng thời điểm

Địa chỉ: Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza,
số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-28) 6256 3862 Fax: (84-28) 3827 4115



QUY CHẾ

CHƯƠNG TRÌNH PHÁT HÀNH CỔ PHẦN THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG (ESOP) NĂM 2024



Chương trình phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2024 là chương trình được triển khai nhằm tạo điều kiện cho những người lao động (có đủ điều kiện và tiêu chuẩn như được trình bày bên dưới để tham gia chương trình) cùng chia sẻ sự phát triển và thành công của Công ty Cổ phần Masan MEATLife thông qua việc có cơ hội sở hữu cổ phần Công ty với giá ưu đãi so với giá thị trường.

1. MỤC ĐÍCH:

- Phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty và các Công ty con, nhằm ghi nhận đóng góp của người lao động cho Công ty, các công ty con trong năm qua.
- Từ mục đích trên, Công ty mong muốn tạo động lực để người lao động tiếp tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, khuyến khích, nâng cao vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của những người lao động cùng phấn đấu và chia sẻ những thành công của Công ty, đồng thời, thu hút và giữ chân những người lao động chủ chốt tâm huyết, giàu năng lực chuyên môn và kinh nghiệm.

2. CƠ SỞ PHÁP LÝ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Điều lệ của Công ty ngày 18/10/2021 (“**Điều lệ**”);
- Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2024 của Công ty; và
- Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số .12./2024/NQ-HĐQT ngày .6./.9./2024 thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu ESOP.

3. ĐỊNH NGHĨA:

- “**Chương trình ESOP**”: là Chương trình phát hành cổ phần của Công ty một cách trực tiếp cho CBNV theo quy định của Quy chế này.
- “**CBNV**”: là những người lao động của Công ty, Công ty con của Công ty.
- “**Thành viên ESOP**”: là CBNV được xét chọn và đã thực hiện việc mua cổ phần từ Chương trình ESOP.
- “**HĐQT**”: là Hội đồng Quản trị Công ty.
- “**ĐHĐCĐ**”: là Đại hội đồng cổ đông Công ty.
- “**Tập đoàn**”: bao gồm Công ty và các Công ty con của Công ty Cổ phần Masan MEATLife.
- “**Công ty**”: là Công ty Cổ phần Masan MEATLife.
- “**Công ty con**”: là các công ty mà Công ty sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của công ty đó.
- “**Quy chế**”: là Quy Chế Chương Trình Phát Hành Cổ Phần Theo Chương Trình Lựa Chọn Cho Người Lao Động (ESOP) Năm 2024 này.

4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ESOP:

4.1. Nguyên tắc của Chương trình ESOP:

- CBNV tham gia Chương trình ESOP một cách hoàn toàn tự nguyện và có quyền, nghĩa vụ theo Quy chế này.

- Nguồn cổ phần cho Chương trình ESOP: phát hành thêm 1.637.089 cổ phần, tương đương với tổng giá trị cổ phần tính theo mệnh giá là 16.370.890.000 đồng.
- Loại cổ phần áp dụng cho Chương trình ESOP: cổ phần phổ thông.
- Hạn chế chuyển nhượng: toàn bộ số lượng cổ phần phát hành theo Chương trình ESOP sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành (ngày kết thúc việc thu tiền của người lao động) theo quy định tại Nghị định của Chính phủ số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

4.2. Đối tượng tham gia Chương trình ESOP: là những người lao động của Công ty và các công ty con trong Công ty (i) có thành tích nổi bật, đóng góp đặc biệt vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, các công ty con, đem lại giá trị tăng trưởng về mặt dài hạn cho Công ty, các công ty con.

Danh sách CBNV tham gia Chương trình ESOP và số lượng cổ phần ESOP được quyền chọn mua của mỗi CBNV do HĐQT Công ty quyết định trên cơ sở được giao bởi ĐHĐCĐ.

4.3. Quyền và nghĩa vụ Thành viên ESOP:

- Được hưởng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, quy định, quy chế của Công ty.
- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của Thành viên ESOP.
- Cam kết nỗ lực trong việc đạt mục tiêu được giao và ngày càng mang lại nhiều hiệu quả hơn cho công việc của bộ phận mà Thành viên ESOP làm việc.
- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty.

4.4. Quyền và nghĩa vụ của Công ty:

- Chịu trách nhiệm phát hành cổ phần ESOP theo đúng đối tượng và số lượng được duyệt.
- Công bố thông tin về việc phát hành và báo cáo kết quả thực hiện Chương trình ESOP theo quy định.

4.5. Các tiêu chuẩn xác định cổ phiếu được phân phối cho từng CBNV:

Số lượng cổ phiếu Chương trình ESOP được phân phối cho từng CBNV dựa trên các tiêu chuẩn sau:

- Kết quả đóng góp cho sự phát triển của Công ty và các công ty con;
- Trách nhiệm được giao và khối lượng công việc phụ trách;
- Kết quả hoàn thành công việc của phòng ban và cá nhân;
- Chức vụ;
- Mức lương; và
- Ngạch bậc.

4.6. Nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng:

Việc phân phối cổ phiếu Chương trình ESOP được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

Nguyên tắc 1: Phân phối cổ phiếu theo 04 nhóm người lao động, bao gồm:

- Nhóm 1: Nhóm người lao động mang lại giá trị cho cổ đông bao gồm hiệu quả kinh doanh, các sáng kiến mang tính chiến lược và huy động vốn cho Công ty, các Công ty con.
- Nhóm 2: Nhóm người lao động có các sáng kiến phát triển kinh doanh bao gồm xây dựng quan hệ đối tác dài hạn với các nhà đầu tư, phân bổ vốn hiệu quả, quản trị rủi ro chặt chẽ, đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh chiến lược và thúc đẩy tài năng; đưa ra các phát kiến phát triển sản phẩm mới và mang lại những hiệu quả tích cực; các phát kiến, sáng kiến công nghệ, giúp cải tiến sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất.
- Nhóm 3: Nhóm người lao động kiêm nhiệm thêm vị trí công tác khác trong cùng một công ty trong Tập đoàn hoặc tại từ hai công ty trở lên trong Tập đoàn.
- Nhóm 4: Nhóm người lao động có tham gia vào từng dự án cụ thể trong năm trước đó.

Nguyên tắc 2: Trong mỗi nhóm người lao động được phân loại theo nguyên tắc 1 nêu trên, số cổ phiếu phân bổ cho từng người lao động được xác định trên nguyên tắc như sau:

- Nhóm 1: Số cổ phiếu được phân phối cho từng nhân viên trong Nhóm 1 được tính dựa trên 4 tiêu chí:

- Hệ số kết quả hoàn thành công việc của phòng ban:

Kết quả hoàn thành công việc của phòng ban	Hệ số Kết quả hoàn thành công việc của phòng ban (a)
Không đạt kế hoạch KPI	Tối đa 0,6
Đạt kế hoạch kinh doanh	0,6 - 0,8
Vượt kế hoạch kinh doanh	0,8 - 1,0

- Hệ số cấp bậc, chức vụ:

Cấp bậc, chức vụ	Điểm cấp bậc, chức vụ	Hệ số cấp bậc, chức vụ (1 điểm chức vụ = hệ số 0,001) (b)
Cấp bậc nhân viên (rank 5)	1 - 3	0,001 - 0,003
Cấp bậc chuyên viên (rank 4)	4 - 8	0,004 - 0,008
Cấp bậc Trưởng nhóm, trưởng phòng (rank 3)	10 - 40	0,01 - 0,04
Cấp bậc quản lý, giám đốc chuyên môn (rank 2)	60 - 90	0,06 - 0,09
Cấp bậc ban giám đốc, điều hành (rank 1)	Từ 100 trở lên	Từ 0,1 trở lên

- Hệ số công việc: là hệ số thể hiện tính chất công việc, mức độ đóng góp, tầm quan trọng của từng người lao động vào kết quả và hiệu quả hoàn thành công việc của phòng ban và kết quả kinh doanh của Tập đoàn trong năm 2023.

Tính chất công việc, mức độ đóng góp, tầm quan trọng	Hệ số công việc (c)
Ít quan trọng	0,1 - 0,99

Quan trọng	1 - 1,39
Rất quan trọng	1,4 - 2

- Hệ số kết quả công việc của cá nhân:

- ✓ Những người lao động làm việc dưới 6 tháng thì hệ số KPI sẽ được chia 2.

Kết quả hoàn thành công việc của cá nhân	Hệ số Kết quả hoàn thành công việc của cá nhân (d)
Không đạt KPI	0,11 - 0,49
Đạt kế hoạch KPI	0,5 - 0,70
Vượt kế hoạch KPI	0,71 - 0,99
Vượt kế hoạch KPI (xuất sắc)	1 trở lên

- ✓ Những người lao động hoàn thành xuất sắc công việc, vượt kế hoạch sẽ được phân phối thêm một lượng cổ phiếu như sau:

Kết quả hoàn thành công việc của cá nhân	Số cổ phiếu được phân phối thêm (e)
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1 - 1,04	100.000
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1,05 - 1,09	150.000
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1,1 - 1,14	200.000
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1,15 - 1,19	250.000
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1,2 - 1,24	300.000
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1,25 - 1,29	350.000
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1,3 trở lên	380.000

Công thức tính cổ phiếu ESOP của từng người trong nhóm này: Dựa trên 04 tiêu chí nêu trên, cổ phiếu được mua của từng Người lao động được xác định theo công thức sau (làm tròn):

$$ESOP_i = \text{Tổng số cổ phiếu ESOP tối đa} \times (a) \times (b) \times (c) \times (d) + (e)$$

Trong đó:

- ESOP_i: Số cổ phiếu ESOP của Người lao động i được quyền mua
- Tổng số cổ phiếu ESOP tối đa: là tổng số cổ phiếu ESOP tối đa được phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, bằng 1.637.089 cổ phiếu (tối đa 0,5% tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty)
- (a): Là hệ số Kết quả hoàn thành công việc của phòng ban của Người lao động i
- (b): Là hệ số cấp bậc, chức vụ của Người lao động i
- (c): Là hệ số công việc của Người lao động i

- (d): Là hệ số Kết quả hoàn thành công việc của cá nhân của Người lao động i
- (e): Số cổ phiếu được phân phối thêm do hoàn thành xuất sắc công việc trong năm 2023.

Để đảm bảo số lượng cổ phiếu phát hành không vượt quá lượng cổ phiếu được phép phát hành, lượng cổ phiếu ESOP của từng người trong nhóm này sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

- Nhóm 2: Số cổ phiếu được phân phối cho từng nhân viên trong Nhóm 2 được tính dựa trên 3 tiêu chí:

- Hệ số hiệu quả sáng kiến phát triển kinh doanh,
- Hệ số cấp bậc chức vụ,
- Hệ số đóng góp cá nhân.

Đợt này Công ty không phát hành cổ phiếu ESOP cho nhóm này.

- Nhóm 3: Số cổ phiếu được phân phối cho từng nhân viên trong Nhóm 3 được tính dựa trên 3 tiêu chí:

- Hệ số vị trí kiêm nhiệm,
- Hệ số thời gian kiêm nhiệm,
- Hệ số kết quả công việc của cá nhân.

Đợt này Công ty không phát hành cổ phiếu ESOP cho nhóm này.

- Nhóm 4: Số cổ phiếu được phân phối cho từng nhân viên trong Nhóm 4 được tính dựa trên 3 tiêu chí:

- Hệ số hiệu quả của dự án,
- Hệ số cấp bậc chức vụ,
- Hệ số đóng góp cá nhân.

Đợt này Công ty không phát hành cổ phiếu ESOP cho nhóm này.

Công thức tính cổ phiếu ESOP và nguyên tắc xác định số lượng cổ phiếu được phát hành của từng người lao động:

- **Số lượng cổ phiếu ESOP người lao động được phát hành tối đa** là tổng số lượng cổ phiếu mà người lao động được phát hành trong từng nhóm.

Sau khi phân bổ cổ phiếu theo các tiêu chuẩn và nguyên tắc theo Quy chế này, tùy theo tính chất quan trọng của vị trí và năng lực nhân sự, Hội đồng quản trị sẽ điều chỉnh lại số lượng cổ phiếu ESOP cuối cùng được phân bổ cho người lao động nếu cần thiết.

4.1. Điều chỉnh, sửa đổi bổ sung Chương trình ESOP:

- HĐQT Công ty có quyền điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế Chương trình ESOP phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tế của Công ty và các Công ty con.

- Khi có quy định mới của pháp luật liên quan đến việc phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động, Quy chế này sẽ được điều chỉnh lại cho phù hợp.

Tp. HCM, ngày 6 tháng 9 năm 2024
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE



DANNY LE
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

